

**UBND QUẬN PHÚ NHUẬN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT      Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**  
**NIỀM TIN**

Số: 31 /BCKT

Phú Nhuận, ngày 27 tháng 05 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Sơ kết công tác giáo dục đặc biệt học kỳ 2**  
**Năm học 2020-2021**

**1 Công tác quản lý CSVC, PCCC**

| STT       | NỘI DUNG                             | NGUỒN CHI     | HKI         | HKII         | TỔNG CỘNG   |
|-----------|--------------------------------------|---------------|-------------|--------------|-------------|
| 01        | Trang bị học phẩm , đồ dùng đồ chơi  | Học phẩm      | 7.065.000đ  | 1.244.750đ   | 8.309.750 đ |
| 02        | Văn phòng phẩm                       | Ngân sách NN  | 5.582.000đ  | 288.000đ     | 5.870.000đ  |
| 03        | Hướng nghiệp                         | Hướng nghiệp  | 2.706.000đ  | 700.000đ     | 3.406.000đ  |
| 04        | Can thiệp sớm                        | Can thiệp sớm | 4.400.000đ  | 5.900.000đ   | 10.300.000đ |
| 05        | Kỹ năng sống                         | BĐDCMHS       | 0           | 0            | 0           |
| 06        | Trang bị CSVC, sửa chữa, thay thế    | Sự nghiệp     | 8.250.000đ  |              | 37.876.600đ |
|           |                                      | TTGD          | 2.490.000đ  | 6.028.000đ   |             |
|           |                                      | NSNN          | 7.549.000đ  | 2.473.600đ   |             |
|           |                                      | Quỹ PTHĐSN    |             | 4.459.000đ   |             |
|           |                                      | BĐDCMHS       |             | 6.627.000đ   |             |
| 07        | Trang bị đồ dùng bán trú             | TBBT          | 13.368.000đ | 6.424.000đ   | 19.792.000đ |
| 08        | Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị BT | TTGD          | 9.517.000đ  |              | 12.377.000đ |
|           |                                      | TBBT          |             | 2.860.000đ   |             |
| TỔNG CỘNG |                                      |               | 60.927.000đ | 37.004.350 đ | 97.931.350đ |

## 2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý:

| Nội dung tập huấn/bồi dưỡng:   | Nguồn kinh phí | Số lượng tham gia | HKI               | HKII              | TỔNG CỘNG         |
|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tham dự chuyên đề về giới tính | TTGD           | 02                | 1.000.000đ        |                   | 1.000.000đ        |
| Tập huấn đánh giá ngoài        | TTGD           | 01                | 600.000đ          |                   | 600.000đ          |
| Tập huấn sơ cấp cứu            | TTGD           | 19                | 300.000đ          |                   | 300.000đ          |
| Tập huấn đầu thầu căn bản      | Quỹ PTHĐSN     | 02                |                   | 2.000.000đ        | 2.000.000đ        |
| <b>Tổng kinh phí đã chi</b>    |                |                   | <b>1.900.000đ</b> | <b>2.000.000đ</b> | <b>3.900.000đ</b> |

## 3. Công tác Tài chính- xã hội hóa- Ban ĐD.CMHS

| Nội dung hỗ trợ                           | Kinh phí Công trình CMHS | Kinh phí Chữ thập đỏ | Kinh phí phòng LĐTĐBXH/UBM TTQ                                                                           | Kinh phí Quận /                                                              | Mạnh thường quân    |
|-------------------------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Tổng thu Hỗ trợ hoạt động giáo dục</b> | <b>24.700.000đ</b>       | <b>12.600.000đ</b>   | <b>104.200.000đ</b>                                                                                      | <b>88.400.000đ</b>                                                           | <b>150.650.000đ</b> |
| Chi Học bổng                              | 3.000.000đ               | 3.000.000đ           |                                                                                                          |                                                                              |                     |
| Chi Chăm lo cho các HĐ học sinh           | 12.209.181đ              | 9.026.443đ           | 104.200.000đ<br>(Trung thu : 24.000.000đ<br>Tết : 35.500.000đ<br>18/4: 22.200.000đ<br>1/6 : 22.500.000đ) |                                                                              |                     |
| Chi Chăm lo cho đời sống giáo viên, NV    | 2.500.000đ               |                      |                                                                                                          | 88.400.000đ<br>(ĐS : 68.400.000đ<br>20/11: 10.000.000đ<br>Tết : 10.000.000đ) | 104.087.000đ        |
| Chi Khen thưởng học sinh giỏi/ vượt trội  | 600.000 đ                |                      |                                                                                                          |                                                                              |                     |
| Chi Khen thưởng học sinh                  | 1.281.800đ               |                      |                                                                                                          |                                                                              |                     |
| Chi Khen thưởng cuối năm                  | 1.519.530đ               |                      |                                                                                                          |                                                                              |                     |
| Chi sửa chữa máy in, nạp mực              | 2.830.000đ               |                      |                                                                                                          |                                                                              |                     |



|                                                            |                    |                    |                     |                    |                     |
|------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| Thù lao HLV,NV                                             | 2.400.000đ         |                    |                     |                    |                     |
| Chi hỗ trợ sửa chữa, thay thế CSVC PV chăm sóc , giảng dạy | 6.627.000đ         |                    |                     |                    |                     |
| Chia tay ban đại diện cũ , thăm hỏi                        | 900.000đ           |                    |                     |                    |                     |
| <b>Tổng chi</b>                                            | <b>33.867.511đ</b> | <b>12.026.000đ</b> | <b>104.200.000đ</b> | <b>88.400.000đ</b> | <b>104.087.000đ</b> |

#### 4. Công tác Y tế

| Nội dung chi                                       | Kinh phí đã chi     | Nguồn chi |
|----------------------------------------------------|---------------------|-----------|
| Mua thuốc, thước đo chiều cao ,dung dịch sát khuẩn | 1.444.500đ          | TTGD      |
| Chi khám sức khỏe CBGVNV                           | 5.180.000đ          | Phúc lợi  |
| Chi mua Bảo hiểm tai nạn học sinh                  | 3.195.000đ          | Bảo hiểm  |
| Chi mua Bảo hiểm tai nạn giáo viên nhân viên       | 957.600 đ           | Phúc lợi  |
| Găng tay y tế                                      | 194.250 đ           | Bảo hiểm  |
| Thuốc y tế                                         | 1.396.300đ          | Bảo hiểm  |
| <b>Tổng kinh phí đã chi</b>                        | <b>12.367.500 đ</b> |           |

#### 5. Các khoản đóng từ thiện của trường

| Nội dung                              | Số tiền đóng | Số người | Quy cách đóng            | Tổng số tiền đóng |
|---------------------------------------|--------------|----------|--------------------------|-------------------|
| Quỹ người nghèo ( Tháng 9/2020)       | 2.665.941đ   | 19 người | 1 ngày lương ( Nộp MTTQ) | 2.665.941 đ       |
| Vì biển đảo quê hương ( Tháng 5/2021) | 3.267.287đ   | 19 người | 1 ngày lương ( Nộp MTTQ) | 3.267.287 đ       |
| Quỹ hưu trí ngành                     |              |          |                          | 0                 |
| Xây nhà tình nghĩa                    |              |          |                          | 0                 |

|                                             |            |                       |                           |            |
|---------------------------------------------|------------|-----------------------|---------------------------|------------|
| Hỗ trợ thanh niên nhập ngũ ( tháng 11/2020) | 200.000đ   | Quỹ trường            | Nộp ở P 10                | 200.000đ   |
| Quỹ đền ơn đáp nghĩa                        | 200.000đ   | Quỹ trường            | Nộp ở P 10                | 200.000đ   |
| Hội cựu giáo chức                           | 500.000đ   | Quỹ trường            | Đóng cho CT Hội giáo chức | 500.000đ   |
| Hỗ trợ miền trung lũ lụt                    | 700.000đ   | Quỹ CTĐ<br>Quỹ Trường | Nộp cho Hội chữ thập đỏ   | 700.000đ   |
| Hỗ trợ miền trung lũ lụt                    | 1.770.000đ | 19 người              | Tự nguyện<br>Nộp MTTQ     | 1.770.000đ |
| Vì biên đảo quê hương (tháng 5/2021)        | 970.000đ   | 19 người              | Tự nguyện<br>Nộp P 10     | 970.000đ   |

### III. NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ CHUNG:

#### 1. Thành tích:

- Hoàn thành các nhiệm vụ kịp tiến độ , đúng thời hạn qui định

#### 2. Khó khăn, hạn chế:

- Không có nguồn thu nhiều , nên các hoạt động chăm lo, hỗ trợ còn hạn chế trong mức điều kiện đơn vị có .  
 - Công tác thu chi còn nhỏ lẻ, nên còn chi tiền mặt tại đơn vị trong phạm vi cho phép .  
 - Ứng dụng dịch vụ công thực hiện điện tử, có những chứng từ và nội dung chứng từ chưa thống nhất được theo ý kế toán trưởng của kho bạc dẫn đến công tác bị chậm do phải điều chỉnh cho phù hợp theo kho bạc , cần được sự thông cảm hỗ trợ từ đơn vị.

### VI. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

1. Đối với Phòng Giáo dục: Không  
 2. Đối với Sở Giáo dục: Không  
 3. Đối với trường - Ứng dụng dịch vụ công thực hiện điện tử, có những chứng từ và nội dung chứng từ chưa thống nhất được theo ý kế toán trưởng của kho bạc dẫn đến công tác bị chậm do phải điều chỉnh cho phù hợp, cần được sự thông cảm hỗ trợ từ đơn vị.

### B. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM HỌC 2021 – 2022

- Tham mưu Hiệu trưởng chỉ các hoạt động và chế độ ngày càng tốt hơn .

#### Nơi nhận:

- Hiệu trưởng
- Lưu: Hồ sơ

KẾ TOÁN

Huỳnh Thị Bích Thảo